

Bản án số: 207/2020/HS-ST
Ngày 10- 6- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2020/HSST ngày 14 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2020/HSST-QĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh năm 1984 tại tỉnh Bạc Liêu; thường trú: Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn T, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1966; có 04 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1990; có vợ tên Nguyễn Hồng L, sinh năm 1990 và có 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/01/2020, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Trần Văn M, sinh năm: 1982; thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình; địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Nguyễn Kiều T, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt.

3. Huỳnh Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp 1, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt.

4. Huỳnh Thanh N, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt.

5. S, sinh năm 1988; địa chỉ: xã L, huyện V, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010 Trần Văn L làm chung với anh Trần Văn M tại Công ty Masan thuộc khu công nghiệp T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; ngày 03/9/2010, L cùng với anh Trần Văn M và bạn gái của anh M đến phòng trọ của anh Sơn T, số ... ấp Đ, phường T, thành phố D, chơi. Tại đây anh M dắt xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Airblae biển số 61S2-5434 vào phòng trọ rồi cùng bạn gái là chị Nguyễn Thị Cẩm N nằm ngủ tại phòng của anh Sơn T, còn L nằm ngủ phía ngoài phòng trọ. Khoảng 23 giờ cùng ngày L lén vào phòng lấy chìa khóa xe trong túi quần của anh M rồi mở khóa xe dẫn ra ngoài nổ máy chạy tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô, L mở cốp xe thì phát hiện trong cốp xe có 01 bóp da, bên trong bóp da có 2.000.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Trần Văn M, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61S2-5434 mang tên Lê Văn H. L tiếp tục điều khiển xe mô tô chạy về xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và gặp anh Huỳnh Thanh N, L nói dối xe mô tô mua ở Bình Dương, chưa sang tên và nhờ anh N đem xe và giấy đăng ký xe mang tên Lê Văn H đi cầm. Anh N đem xe đến tiệm cầm đồ “K” tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cầm cho chị Nguyễn Thị Kiều T được số tiền 16.000.000 đồng. Sau khi phát hiện mất xe mô tô, anh M và anh Lê Văn H điện thoại cho L, nhận đã chiếm đoạt xe mô tô, sau đó L gửi đường bưu điện cho anh Lê Văn H 01 giấy chứng nhận cầm đồ, 01 chứng minh nhân dân mang tên 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn M rồi bỏ trốn về ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ kết luận định giá số 215 ngày 12/10/2010 của Hội đồng định giá thành phố D (huyện cũ), tỉnh Bình Dương: Xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 61S2-5434, có giá trị 29.000.000 đồng.

Ngày 27/01/2020, Công an xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu bắt giữ Trần Văn L, theo quyết định truy nã số 30 ngày 22/11/2010 của Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng :

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Airblae biển số 61S2-5434 đã thu hồi trả lại cho bị hại.

Tại cáo trạng số 185/CT-VKS ngày 13 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố Trần Văn L về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn L mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận, đối đáp gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại cơ quan điều tra, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội dung vụ án: Khoảng 23 giờ ngày 03/9/2010, Trần Văn L đã lén lút chiếm đoạt tài sản là xe mô tô kiểu dáng xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Airblae biển số 61S2-5434 của anh Trần Văn M, địa chỉ , số ... ấp Đ, phường T, thành phố D. Tài sản chiếm đoạt có giá trị 29.000.000 đồng và số tiền trong bóp bỏ trong cốp xe là 2.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 31.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 185/CT-VKS ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và khắc phục hậu quả và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, là công nhân lao động và chưa có tiền án tiền sự.

[7] Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án thu hồi trả lại cho bị hại và không có yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

[8] Mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2015, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/01/2020.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Chi cục THA dân sự thành phố D;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKS nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân